

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ CẨM TRUNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số: 1277/QĐ-UBND

Cẩm Trung, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho UBND các xã, phường;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã số 20/NQ-HĐND ngày 29/12/2025 về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng kinh tế.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán thu chi ngân sách năm 2026 của UBND xã Cẩm Trung (theo các biểu kèm theo quyết định này)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các Phòng: Kinh tế; Văn hoá - Xã hội và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Sở Tài chính(BC);
- TT Đảng uỷ, TT HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Lưu: VP, KT.



Trần Viết Chiến



Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	178.770.887	TỔNG SỐ CHI	178.770.887
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.350.000	I. Chi đầu tư phát triển	44.880.137
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)	51.318.887	II. Chi thường xuyên	131.572.750
III. Thu bổ sung	126.102.000	III. Dự phòng	2.318.000
- Bổ sung cân đối	95.872.000		
- Bổ sung có mục tiêu	30.230.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	210.012.201	178.770.887
I	Các khoản thu 100%	1.350.000	1.350.000
	Phí, lệ phí	950.000	950.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	200.000	200.000
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp	-	
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	-	
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định	-	
	Đóng góp của nhân dân theo quy định	-	
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân	-	
	Thu khác	200.000	200.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	82.560.201	51.318.887
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	90.000	90.000
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình	-	
	Thuế thu nhập cá nhân	1.000.000	500.000
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	4.820.000	2.410.000
	Tiền cho thuê mặt đất mặt nước	150.000	63.750
	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	200.000	100.000
	Thuế GTGT - TNDN	6.550.000	3.275.000
	Thu tiền sử dụng đất	69.750.201	44.880.137
III	Thu chuyển nguồn		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước	-	
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	126.102.000	126.102.000
	- Thu bổ sung cân đối	95.872.000	95.872.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu	30.230.000	30.230.000

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	178.770.887	44.880.137	133.890.750
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	49.752.000		49.752.000
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	150.000		150.000
3	Chi quốc phòng	1.660.000		1.660.000
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	370.000		370.000
5	Chi y tế, dân số KHHGĐ	3.069.000		3.069.000
6	Chi văn hóa, thông tin, TDTT	440.000		440.000
7	Chi bảo vệ môi trường	1.000.000		1.000.000
8	Chi các hoạt động kinh tế	14.472.000		14.472.000
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.525.750		29.525.750
10	Chi đảm bảo xã hội	30.398.000		30.398.000
11	Chi khác	736.000		736.000
12	Dự phòng ngân sách	2.318.000		2.318.000

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1.000 đồng

Đơn vị: 1.000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công- hoàn thành	Tổng số dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
		Tổng số	Trong đó nguồn ĐG của nhân dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ:		105.631.358	0	32.331.358	19.230.277	0	44.880.137	44.880.137	
Cải tạo nhà học 2 tầng 6 phòng Trường tiểu học, xã Cẩm Lĩnh	4-8/2021	1.000.833		1.000.833	900.000		36.648	36.648	
Cải tạo nhà học 6 phòng 2 tầng trường tiểu học Cẩm Lĩnh	7-10/2022	1.019.256		1.019.256	809.121		50.000	50.000	
Trường mầm non Cẩm Lĩnh (Xây mới tầng 2, mái)	3-2019-7/2019	2.973.285		2.973.285	2.781.944		53.886	53.886	
Nhà bếp trường mầm non Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên	7/2024-9/2024	1.600.000		1.600.000	1.376.650		140.000	140.000	
Nhà học 2 tầng 6 phòng học trường tiểu học xã Cẩm Lộc	2020	2.989.762		2.989.762	2.328.570		530.881	530.881	
Nhà bếp ăn bán trú Trường mầm non Cẩm Lộc	9-12/2022	1.096.000		1.096.000	445.901		509.076	509.076	
Đường giao thông, rãnh thoát nước khu hạ tầng thôn 3 xã Cẩm Lĩnh	7/2022-10/2022	1.029.828		1.029.828	798.475		62.000	62.000	
Đường GTND thôn Minh Lộc xã Cẩm Lộc	2020	1.055.187		1.055.187	832.963		96.777	96.777	
Đường bê tông nội đồng thôn Vinh Lộc	2020	809.399		809.399	680.000		32.818	32.818	
Phục hồi nâng cấp mặt đường BTXM bằng vật liệu Carboncor đường trục thôn xã Cẩm Lộc	2021	668.899		668.899	621.526		32.928	32.928	
Đường giao thông nội đồng thôn Minh Lộc - Vinh Lộc, xã Cẩm Lộc	2021	955.345		955.345	780.105		44.511	44.511	



Nâng cấp phục hồi mặt đường theo cơ chế hỗ trợ năm 2023: đường trục Vinh Lộc và trục xã qua Đông Phong	2023	1.000.000		1.000.000	894.371		26.129	26.129	
Công trình Phục hồi nâng cấp mặt đường BTXM theo cơ chế hỗ trợ năm 2023 xã Cẩm Lộc	10-12/2023	994.949		994.949	884.464		137.000	137.000	
Đường giao thông nội đồng vùng Cồn Kho thôn Minh Lộc	2021	658.508		658.508	570.273		27.635	27.635	
Đường BTXM theo cơ chế hỗ trợ xi măng xã Cẩm Lộc năm 2025	4/2025-6/2025	361.000		361.000	58.458		27.000	27.000	
Nâng cấp đường giao thông liên thôn Minh Lộc và Vinh Lộc xã Cẩm Lộc	8-12/2023	1.181.300		1.181.300	743.849		246.000	246.000	
Hạ tầng khu dân cư thôn 4,5 (Minh Lộc, Vinh Lộc) xã Cẩm Lộc	2024	597.132		597.132			181.000	181.000	
Đường giao thông từ đường trục xã đi đồng Vùng 12, thôn Đông Phong xã Cẩm Lộc (XL)	2020	729.113		729.113	583.290		52.747	52.747	
Đầu tư xây dựng, nâng cấp tuyến đường ĐH.85 (ĐH.132) đoạn Cầu Đá - Cầu Trung Lĩnh	2025-2026	7.500.000		7.500.000			3.000.000	3.000.000	
Cải tạo sửa chữa đập sông quèn và nạo vét kênh dẫn nước trạm bơm thôn Tân Trung Thủy	'3-6/2025	924.336		924.336	700.000		147.016	147.016	
Xây dựng nâng cấp kênh tưới nội đồng xã Cẩm Lộc năm 2020	2021	101.476		101.476	609.139		212.000	212.000	
Nâng cấp, sửa chữa kênh mương nội đồng xã Cẩm Lộc	2-6/2024	2.400.000		2.400.000	1.339.088		932.856	932.856	
Nhà văn hóa thôn Trung Hà (Tân trung thủy)	2.019,000	378.199		378.199	292.090		20.696	20.696	
Tu sửa, nâng cấp nhà làm việc và nhà văn hoá xã Cẩm Trung	2025	41.000		41.000			41.000	41.000	
Cổng vào trung tâm xã Cẩm Lộc	2019	266.551		266.551	200.000		36.811	36.811	
Các công trình dự kiến khởi công mới	2.026,000	73.300.000					31.941.345	31.941.345	
Chi đầu tư phát triển khác	2.025,000						4.017.370	4.017.370	
Tiết kiệm chi 5%							2.244.007	2.244.007	

